

Bản án số: 86/2021/DS-ST

Ngày: 18-6-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Lý Kim Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quân – Thư ký Tòa án Nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Đường N, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bích Thanh Trà, theo văn bản ủy quyền số 1271/2020/UQ-TTT ngày 19/8/2020 (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông Đại Vĩnh M, sinh năm: 1967 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: đường E, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và các bản khai do bà Nguyễn Bích Thanh Trà đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 02/6/2008, ông Đại Vĩnh M ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây được ghi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa số 435243-5062 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành, sử dụng thẻ). Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại Visa số 435243-5062 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân. Hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 32.930.621 đồng (ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn, sáu trăm hai mươi một đồng) và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.420.999 đồng (mười một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng). Số nợ còn lại ông M không chịu thanh toán, nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở nhưng ông M không thực hiện. Do vi phạm nghĩa vụ nên ngày 11/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông M và chuyển toàn bộ dư nợ 67.545.260 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi đồng) sang nợ quá hạn và cũng từ đó ông M ngưng thanh toán cho đến nay.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân ông Đại Vĩnh M trả tổng số tiền vay còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/6/2021 là 309.095.134 đồng (ba trăm lẻ chín triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 67.545.260 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi đồng), nợ lãi là 241.549.874 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng) thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tính từ ngày 19/6/2021 cho đến khi trả hết nợ.

*Bị đơn:* Ông Đại Vĩnh M mặc dù đã được triệu tập nhưng suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

*Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thì có cơ sở xác định ông

Đại Vĩnh M có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa số 435243-5062, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại Visa số 435243-5062 với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Quá trình sử dụng thẻ tín dụng thì ông M đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M thanh toán số tiền vay phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 18/6/2021 là 309.095.134 đồng (ba trăm lẻ chín triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng) là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đại Vĩnh M theo đúng quy định, nhưng suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ông M vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đại Vĩnh M.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đại Vĩnh M thanh toán tiền nợ phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông M trả tiền vay còn nợ, ông Đại Vĩnh M có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ đường E, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì người bị kiện là ông Đại Vĩnh M có địa chỉ đường E, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do ông M không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp. Tại kết quả xác minh tình trạng cư trú ngày 29/11/2020 của Công an Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì “ông Đại Vĩnh M có hộ khẩu thường trú tại đường E, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ”. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 02/6/2008 mà hai bên đã ký có ghi địa chỉ của ông M tại đường E, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của

ông M nhưng ông M thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án Nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đề ngày 02/6/2008 và bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đại diện Ngân hàng đủ cơ sở xác định ngày 02/6/2008 giữa ông Đại Vĩnh M và Ngân hàng đã xác lập hợp đồng cấp và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đồng ý cấp cho ông M thẻ tín dụng loại Visa số thẻ 435243-5062 với hạn mức tín dụng là 30.000.000đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân.

[2.2]. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch vay tiền của Ngân hàng, số tiền vay là 32.930.621đồng (ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn, sáu trăm hai mươi một đồng) và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.420.999 đồng (mười một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng). Trong quá trình trả nợ, ông M nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 11/4/2010 cho đến nay thì ông M không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngày 11/4/2010, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông M và chuyển toàn bộ dư nợ với số tiền 67.545.260 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi đồng) sang nợ quá hạn.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, ông M không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Lẽ ra, sau khi ông M thực hiện các giao dịch vay tiền thì phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Nhưng đến nay ông M chưa thanh toán đầy đủ là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đại Vĩnh M thanh toán số tiền nợ từ việc sử dụng thẻ tín dụng tổng cộng là 309.095.134 đồng (ba trăm lẻ chín triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 67.545.260 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi đồng), nợ lãi là 241.549.874 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Ông Đại Vĩnh M phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, ông Đại Vĩnh M còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đề ngày 02/6/2008 và bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 19/6/2021 cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Minh phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ như đã nêu trên nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.454.757 đồng (mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 719.500 đồng (bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0010630 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6 .

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Buộc ông Đại Vĩnh M phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vay từ việc sử dụng thẻ tín dụng còn nợ là 309.095.134 đồng (ba trăm lẻ chín triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 67.545.260 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi đồng), nợ lãi là 241.549.874 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng) thanh toán một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày 19/6/2021, ông Đại Vĩnh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp

trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Đại Vĩnh M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Đại Vĩnh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.454.757 đồng (mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 719.500 đồng (bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0010630 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6 .

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đại Vĩnh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thụy Bích Ngọc**